TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1410**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2019
V/v trK chấp về ly hôn

NHÂN DK
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Minh Chánh**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy OK**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1005/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc "TrK chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Kỳ Bá T**, sinh năm: 1975.
Địa chỉ: xã S, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Bà **Trần Kim V**, sinh năm: 1974.
Địa chỉ: xã S, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T và bà V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn ông Kỳ Bá T trình bày: Ông Kỳ Bá T và bà Trần Kim V chung sống với nhau từ năm 1998, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Tuy nhiên vào năm 2016, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T và bà V thường xuyên cãi vã nhau, bà V không quan tâm đến cuộc sống gia đình, cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Kim V.

Về con chung: Ông Kỳ Bá T và bà V có 02 con chung tên Kỳ V K(giới tính nữ), sinh năm: 1999 (đã trưởng thành) và Kỳ V K (giới tính nữ), sinh ngày: 15/11/2008. Hiện trẻ K đang sống chung với ông T. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Kỳ Bá T xác nhận không có.

Bà Trần Kim V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trK luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ trK chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Kỳ Bá T nộp đơn xin ly hôn đối với bà Trần Kim V. Bà Trần Kim V hiện đang cư trú tại huyện C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Trần Kim V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Kim V theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Kỳ Bá T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà Trần Kim V đến Tòa án để giải quyết vụ án trK chấp về ly hôn giữa ông Kỳ Bá T và bà Trần Kim V nhưng bà V không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, bà Trần Kim V tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà Trần Kim V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 243, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2008 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Kỳ Bá T và bà Trần Kim V là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà V không thể hàn gắn được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông T thì giữa ông và bà V bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, bà V cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Kỳ Bá T đối với bà Trần Kim V.

[6] Về con chung: Ông Kỳ Bá T và bà Trần Kim V có 02 con chung tên Kỳ V K(giới tính nữ), sinh năm: 1999 (đã trưởng thành) và Kỳ V K (giới tính nữ), sinh ngày: 15/11/2008. Hiện trẻ K đang sống chung với ông T. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ K, nếu cha mẹ không sống chung thì trẻ K muốn được sống với cha. Do bà V vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về con chung giữa bà và ông T nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của ông T, nếu sau này các đương sự có trK chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông T, giao trẻ Kỳ V K (giới tính nữ), sinh ngày: 15/11/2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Kỳ Bá T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Kỳ Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Kỳ Bá T đối với bà Trần Kim V.

Ông Kỳ Bá T được ly hôn với bà Trần Kim V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 243, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Kỳ Bá T và bà Trần Kim V có 02 con chung tên Kỳ V K(giới tính nữ), sinh năm: 1999 (đã trưởng thành) và Kỳ V K (giới tính nữ), sinh ngày: 15/11/2008. Giao trẻ Kỳ V K (giới tính nữ), sinh ngày: 15/11/2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà V cho đến khi ông T có yêu cầu.

Bà Trần Kim V có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Kỳ Bá T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0002846 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định